



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 25.00906

25.847DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/6/2025

Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT của KCN
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : N2
- Ngày lấy mẫu : 28/5/2025
- Ngày nhận mẫu : 28/5/2025
- Thời gian thử nghiệm : 28/5/2025 - 11/6/2025
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/6/2025

Trang 2/4

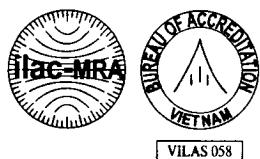


STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	33,5	40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,39	6 - 9
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	HDCV TB-73:2020	230	Không quy định
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	5	24
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	32	50
6	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,40	4,0
7	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,8
8	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,056
9	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,16
10	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,08
11	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,0
12	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	Không quy định
13	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,06	Không quy định
14	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,04
15	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,004
16	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,08
17	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,04
18	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,04
19	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,6
20	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,069	2,4
21	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,013	0,16
22	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,4
23	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,51	0,8
24	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,16

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/6/2025

Trang 3/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _a =0,8; K _f =1,0
25	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ ^(*)	mg/L	USEPA 3510C + USEPA 3620C + USEPA 8270E		0,24
	Diazinon	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Parathion methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Chlorpyrifos	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Chlorpyrifos methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Parathion ethyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Fenitrothion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Malathion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Disulfoton	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Ethion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Fenithion	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phenthoate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phorate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Phosphamidon	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Pirimiphos ethyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Pirimiphos methyl	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Terbufos	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ ^(*)	mg/L	USEPA 3510C + USEPA 3630C + USEPA 8270E		0,040
	Aldrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Hexachlorobenzen	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	4,4'-DDD	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	
	4,4'-DDE	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	
	4,4'-DDT	mg/L		KPH(LOD=0,0003)	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 25.00906

25/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/6/2025

Trang 4/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _g =0,8; K _f =1,0
	Dieldrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan I	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan II	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endosulfan-sulfate	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Endrin	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	α-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	β-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Lindan (γ-HCH)	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	δ-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Heptachlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Heptachlor-epoxide	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Methoxychlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Alachlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
27	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	<2	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-03039BMT5 (MT.2025.02985), ngày 05/6/2025

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng